

Đói nghèo, bất bình đẳng và mức sống dân cư cấp xã ở Việt Nam

TRẦN QUANG TUYẾN

Bài viết sử dụng dữ liệu từ cuộc Tổng điều tra nông, lâm và thủy sản (2011 RAFC) năm 2011 để đánh giá tác động của mức sống dân cư và bất bình đẳng tới nghèo đói ở các xã của Việt Nam. Kết quả nghiên cứu cung cấp một số hàm ý chính sách hữu ích cho Việt Nam.

Từ khóa: nghèo cấp xã, bất bình đẳng, chi tiêu, tỷ lệ nghèo, độ sâu của nghèo, nông thôn Việt Nam.

1. Giới thiệu

Xóa đói, giảm nghèo và nâng cao mức sống dân cư là mục tiêu chính của mọi quốc gia đang phát triển. Lý thuyết cũng như các bằng chứng thực nghiệm chỉ ra rằng đói nghèo phụ thuộc vào tăng trưởng thu nhập và mức độ bất bình đẳng (Ravallion, 2001). Tăng trưởng thu nhập là điều kiện cần để nâng cao mức sống dân cư và từ đó giúp cho người dân thoát nghèo. Tuy nhiên, nếu tăng trưởng thu nhập chỉ tập trung cho một số ít người thì tăng trưởng chưa hẳn đã làm giảm nghèo (Son, 2004). Điều đó hàm ý rằng phân phối thu nhập hay mức độ bất bình đẳng cũng có vai trò quan trọng trong giảm nghèo. Nói cách khác, tăng trưởng kinh tế sẽ giúp cho giảm nghèo mạnh hơn nếu bất bình đẳng ở mức độ vừa phải hoặc giảm đi trong thời kỳ phát triển kinh tế (Ravallion và Chen, 2003; Warr, 2005).

Đã có nhiều nghiên cứu về tác động của tăng trưởng thu nhập và bất bình đẳng tới giảm nghèo ở nhiều quốc gia đang phát triển (Ahmed Raza Cheema và Maqbool H Sial, 2012). Khi tăng trưởng thu nhập có tác động tích cực tới giảm nghèo ở nhiều nước đang phát triển thì bất bình đẳng có tác động làm gia tăng đói nghèo ở một số nước (Eastwood và Lipton, 2002; Pasha, Palanivel, Chaudhry, và Khan, 2003; Ram, 2007; Warr, 2000). Ở Châu Á, nhiều quốc gia đạt được thành công giảm nghèo trong giai đoạn tăng

trưởng thu nhập khá cao trong khi bất bình đẳng vẫn gia tăng. Như vậy mức độ giảm nghèo dường như phụ thuộc nhiều vào tốc độ tăng trưởng thu nhập hơn là mức độ giảm thiểu bất bình đẳng (Hafiz và Thangavel, 2004). Tuy nhiên, thành tựu giảm nghèo sẽ tốt hơn nếu như mức độ bất bình đẳng thấp hơn thời kỳ đầu của công cuộc cải cách ở các nước đang phát triển (Hafiz và Thangavel, 2004).

Ở Việt Nam có hai nhóm chính nghiên cứu về đói nghèo. Nhóm thứ nhất thường phân tích ở cấp độ hộ gia đình qua việc sử dụng dữ liệu từ hộ gia đình (Fritzen, 2002; Kang và Imai, 2012; Magrini và Montalbano, 2012; Ravallion và Van de Walle, 2008; Van de Walle và Cratty, 2004). Nhóm thứ hai thường phân tích các nhân tố tác động tới nghèo với cấp độ nghiên cứu ở cấp vùng như tỉnh hay huyện (McCaig, 2011; Minot, Baulch và Epprecht, 2006). Tuy nhiên, với sự hiểu biết của tác giả thì cho tới nay, chưa có nghiên cứu nào xem xét tác động của mức chi tiêu và bất bình đẳng tới đói nghèo ở cấp độ đơn vị hành chính nhỏ nhất - cấp xã của Việt Nam.

2. Dữ liệu và phương pháp

2.1. Dữ liệu

Chi tiêu cho tiêu dùng hay thu nhập của hộ gia đình được sử dụng phổ biến nhất để đo

Trần Quang Tuyến, TS., Trường đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

lượng mức sống về khía cạnh kinh tế của dân cư (Deaton, 1997). Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng chỉ tiêu tiêu dùng của các hộ gia đình (gọi tắt là chỉ tiêu) để tính toán các chỉ số phản ánh mức sống và bất bình đẳng kinh tế thay vì sử dụng thu nhập hộ gia đình. Đó là vì chỉ tiêu phản ánh mức sống hay thu nhập tốt hơn về dài hạn trong khi thu nhập chỉ phản ánh mức sống hay thu nhập tại một thời điểm nhất định (Goodman và Oldfield, 2004). Ngoài ra, dữ liệu khảo sát về chỉ tiêu ít gặp phải vấn đề về sai số đo lường hơn so với dữ liệu về thu nhập và do vậy thường được dùng để đo lường tốt hơn về mức sống hộ gia đình (Deaton, 1997). Ở các nước đang phát triển, dữ liệu thu nhập có xu hướng ít đáng tin cậy do biến động thu nhập trong chu kỳ thu hoạch ở các vùng nông thôn hoặc các luồng thu nhập không thường xuyên từ khu vực phi chính thức lớn trong khu vực đô thị và khó khăn trong việc tính toán thu nhập cho các hoạt động tự tạo việc làm (Coudouel, Hentschel, và Wodon, 2002).

Khó khăn chính trong nghiên cứu này là làm thế nào để ước tính được các chỉ số như tỷ lệ nghèo, mức chi tiêu bình quân đầu người và mức độ bất bình đẳng ở cấp xã với độ chính xác tốt nhất. Để tính toán các chỉ số trên của một xã chính xác, đòi hỏi phải có dữ liệu về chỉ tiêu của các hộ gia đình trong xã. Tuy nhiên, số liệu chỉ tiêu chỉ được thu thập trong các cuộc điều tra chọn mẫu có kích thước mẫu nhỏ và do vậy sẽ gặp phải vấn đề lớn về sai số đo lường trong tính toán chỉ số bất bình đẳng ở cấp độ xã (Tran và cộng sự., 2017). Để giải quyết thách thức này, chúng tôi sử dụng phương pháp ước lượng với khu vực địa lý nhỏ phát triển bởi Elbers, Lanjouw và Lanjouw (2002; 2003). Đây là những nhà nghiên cứu đầu tiên đã ước tính mô hình chi tiêu từ dữ liệu điều tra chọn mẫu hộ gia đình và sau đó áp dụng mô hình ước lượng này với bộ dữ liệu từ tổng điều tra dân số để ước tính chỉ số bất bình đẳng ở cấp xã. Tác giả đã sử dụng dữ liệu từ Tổng điều tra nông, lâm và thủy sản (RAFC) trong năm 2011 và dữ liệu

được cuộc điều tra hộ gia đình Việt Nam là từ khảo sát mức sống (VHLSS) trong năm 2010 của Tổng cục Thống kê, bao gồm 9.399 hộ gia đình.

2.2. Phương pháp tính toán

Phương pháp tính toán các chỉ số về chi tiêu, đói nghèo và bất bình đẳng cấp xã có thể được mô tả trong các bước sau đây. Đầu tiên, chúng ta định nghĩa các biến giải thích được sử dụng phổ biến ở cuộc tổng điều tra và điều tra hộ gia đình. Các biến này có thể so sánh về định nghĩa và giá trị thống kê trung bình. Các biến thông thường có thể bao gồm các biến cấp hộ gia đình và các biến cấp xã. Tiếp theo đó, chúng ta tiến hành hồi quy mức chi tiêu bình quân đầu người đối với các biến được lựa chọn bằng cách sử dụng dữ liệu từ khảo sát hộ gia đình như sau:

$$\ln(y_{ic}) = X_{ic}\beta + Z_c\gamma + \varepsilon_{ic}, \quad (1)$$

Trong phương trình (1), $\ln(y_{iv})$ là logarit của chi tiêu bình quân hộ gia đình thứ i trong xã c , X_{ic} là tập hợp các biến số về đặc điểm cấp hộ gia đình, Z_c là biến số đặc điểm cấp xã, β và γ và tập hợp hệ số hồi quy, ε_{iv} là sai số trong mô hình. Trong nghiên cứu của Elbers và cộng sự (2002, 2003), sai số được cho là có tương quan với nhau trong các xã. Mô hình (1) sử dụng dữ liệu từ điều tra mức sống dân cư 2010 (VHLSS 2010).

Trong bước tiếp theo, các thông số ước tính của mô hình (1) được sử dụng với dữ liệu từ tổng điều tra nông, lâm, thủy sản năm 2011 (2011 RAFC) để tính toán chi tiêu của tất cả các hộ gia đình trong xã:

$$y_{ic}^{Census} = \exp\left(X_{ic}^{Census}\hat{\beta} + V_{ic}^{Census}\hat{\gamma} + \hat{\varepsilon}_{ic}\right)^1 \quad (2)$$

Mức chi tiêu bình quân đầu người được tính toán sau đó sẽ được sử dụng để tính toán các chỉ số bất bình đẳng và đói nghèo của các xã. Các giá trị sai số chuẩn của các chỉ số bất

1. Census: Tổng điều tra nông, lâm và thủy sản (2011 RAFC) năm 2011.

bình đẳng được ước tính bằng mô phỏng Monte-Carlo. Cụ thể hơn, đầu tiên chúng tôi ước tính phân phối của β , γ , ξ , và sau đó trong mỗi lần mô phỏng, các giá trị của các thông số này được rút ra ngẫu nhiên từ sự phân phối ước tính của chúng và được sử dụng để ước tính của các chỉ số về chi tiêu, đói nghèo, bất bình đẳng. Sau khi một số lần thực hiện tính toán mô phỏng, chúng ta có thể nhận được sự phân bố mẫu và tính toán độ lệch chuẩn của các chỉ số nói trên. Nghiên cứu này sử dụng hệ số Gini, là chỉ số được sử dụng phổ biến nhất để đo lường bất bình đẳng về mức sống (Bellù và Liberati, 2006).

Kế thừa mô hình phân tích thực nghiệm của các nghiên cứu trước đây từ Ravallion và Chen (1997), Ram (2007) và Ahmed Raza Cheema và Maqbool H. Sial (2012), tác giả sử dụng mô hình phân tích hồi quy tuyến tính sau đây để phân tích tác động của chi tiêu và bất bình đẳng tới tỷ lệ nghèo và độ sâu hay khoảng cách nghèo (poverty gap) của các xã ở Việt Nam:

$$P_i = a + b_1 \ln x_i + b_2 G_i + e_i \quad (3)$$

$$G_i = a + b_1 \ln x_i + b_2 G_i + u_i \quad (4)$$

Trong đó P_i và G_i là tỷ lệ nghèo và độ sâu của nghèo cấp xã, $\ln x_i$ là logarit của mức

chi tiêu bình quân đầu người cấp xã và G_i là mức độ bất bình đẳng (hệ số Gini) cấp xã và e_i và u_i là sai số trong mô hình.

3. Kết quả tính toán và thảo luận

Nghiên cứu này sử dụng chuẩn nghèo chi tiêu được Tổng cục Thống kê và Ngân hàng Thế giới sử dụng năm 2010 (WB, 2012) để tính toán tỷ lệ nghèo và độ sâu của nghèo cấp xã ở Việt Nam. Do vậy, hộ nghèo là hộ mức chi tiêu bình quân đầu người hàng tháng thấp hơn 653 ngàn đồng. Kết quả tính toán của tác giả từ dữ liệu năm 2011 RAFC cho thấy, tính trung bình, tỷ lệ nghèo cấp xã ở Việt Nam là 33%, cao hơn so với tỷ lệ nghèo tính cho toàn bộ khu vực nông thôn từ dữ liệu khảo sát mức sống dân cư năm 2010 (27%) (WB, 2012). Sự thiếu hụt chi tiêu được đo bằng khoảng cách nghèo hay độ sâu của nghèo là 10%. Hệ số Gini trung bình cấp xã ở bảng 1 có giá trị thấp hơn so với hệ số Gini tính cho toàn bộ khu vực nông thôn (0,33) tính từ dữ liệu điều tra mức sống dân cư năm 2010 (MPI, 2015). Điều đó có thể bắt nguồn từ sự khác nhau về độ bao phủ của hai bộ dữ liệu. Dữ liệu tính toán từ năm 2011 RAFC bao gồm toàn bộ các hộ gia đình nông thôn, trong khi đó dữ liệu từ VHLSS năm 2010 chỉ bao gồm khoảng 6.700 hộ gia đình nông thôn.

BẢNG 1: Các chỉ số phản ánh mức sống dân cư cấp xã ở Việt Nam năm 2011

Các chỉ số	Chi tiêu bình quân đầu người (nghìn đồng)	Tỷ lệ nghèo (poverty rate)	Độ sâu nghèo (poverty gap)	Bất bình đẳng (Gini)
Giá trị trung bình	11.924	33%	10%	25%
Trung vị	11.910	23%	5%	24%
Cực tiểu	2.400	0.00%	0.00%	14%
Cực đại	75.000	99%	70%	48%
Độ lệch chuẩn	4.748	26%	12%	0.04
Số quan sát (xã)	9080	9080	9080	9080

Nguồn: Tính toán của tác giả sử dụng dữ liệu từ năm 2011 RAFC và sử dụng phương pháp đã được trình bày ở mục 2.2.

Kết quả phân tích hồi quy về tác động của chi tiêu và bất bình đẳng tới tỷ lệ nghèo cấp xã được trình bày ở bảng 2. Tác giả ước lượng 3 mô hình riêng biệt: mô hình 1 chung cho toàn bộ các xã; mô hình 2 ước lượng cho các

xã có mức độ bất bình đẳng thấp hơn mức trung bình ($Gini < 0.24$); và mô hình 3 ước lượng cho các xã có mức độ bất bình đẳng cao hơn mức trung bình ($Gini > 0.24$). Như được kỳ vọng, kết quả ước lượng cho thấy mức chi

Đói nghèo, bất bình đẳng ...

tiêu bình quân đầu người cao hơn có tác động tích cực tới giảm tỷ lệ nghèo và ngược lại, bất bình đẳng cao lại có tác động gia tăng tỷ lệ nghèo ở các xã của Việt Nam. Kết quả chỉ rằng, với mức độ bất bình đẳng không thay đổi thì tính trung bình, cứ 10% tăng thêm trong chỉ tiêu bình quân đầu người của xã sẽ giúp cho tỷ lệ nghèo của xã giảm đi 6,5 %. Tác động tích cực của chỉ tiêu

tối giảm nghèo cũng được tìm thấy ở cả các xã có mức độ bất bình đẳng cao và thấp. Tuy nhiên, kết quả ước lượng ở mô hình 2 và 3 khác nhau về độ lớn của hệ số chi tiêu và bất bình đẳng. Cụ thể, chi tiêu có tác động giảm nghèo mạnh hơn ở các xã có mức độ bất bình đẳng thấp, trong khi đó bất bình đẳng lại có tác động cao hơn ở các xã có mức độ bất bình đẳng cao hơn.

BẢNG 2: Tác động của chi tiêu và bất bình đẳng tới tỷ lệ nghèo ở cấp xã

Biến giải thích	Mô hình 1	Mô hình 2	Mô hình 3
	(tất cả)	Bất bình đẳng thấp	Bất bình đẳng cao
Log chi tiêu	-0,65*** (0,005)	-0,74*** (0,013)	-0,60*** (0,005)
Gini	0,91*** (0,028)	0,48*** (0,103)	1,18*** (0,030)
Hệ số chặn	6,17*** (0,044)	7,08*** (0,104)	5,59*** (0,046)
Số quan sát	9,080	3,731	5,349
R-bình phương	0,922	0,933	0,929

Lưu ý: sai số chuẩn vung trong ngoặc. *** $p < 0,01$, ** $p < 0,05$, * $p < 0,1$

Các nghiên cứu về đói nghèo thường chỉ xem xét các nhân tố tác động tới khả năng rơi vào nghèo của hộ gia đình (poverty incidence) và do vậy có thể không đánh giá được các yếu tố tác động tới mức độ nghèo hay độ sâu của nghèo (Tran, Nguyen, và Van, 2015). Kết quả ở bảng 3 cho thấy chi tiêu có tác động tới giảm độ sâu nghèo, trong khi đó bất bình đẳng có tác động làm tăng độ

sâu của nghèo. Với mức độ bất bình đẳng không đổi thì các xã có mức tăng chi tiêu bình quân đầu người của xã là 10% sẽ giúp cho độ sâu của nghèo giảm đi 3 %. Tác động của chi tiêu tới giảm độ sâu của nghèo cũng mạnh hơn ở các xã có mức độ bất bình đẳng thấp và ngược lại, bất bình đẳng có tác động gia tăng nghèo mạnh hơn ở các xã có mức độ bất bình đẳng cao.

BẢNG 3: Tác động của chi tiêu và bất bình đẳng tới độ sâu của nghèo ở cấp xã

Biến giải thích	Mô hình 1	Mô hình 2	Mô hình 3
	(tất cả)	Bất bình đẳng thấp	Bất bình đẳng cao
Log chi tiêu	-0.29*** (0.003)	-0.32*** (0.007)	-0.27*** (0.003)
Gini	0.69*** (0.016)	0.42*** (0.063)	0.67*** (0.020)
Hệ số chặn	2.58*** (0.026)	2.95*** (0.055)	2.42*** (0.032)
Số quan sát	9,080	3,731	5,349
R-bình phương	0.855	0.876	0.853

Lưu ý: sai số chuẩn vung trong ngoặc. *** $p < 0,01$, ** $p < 0,05$, * $p < 0,1$

4. Kết luận và hàm ý chính sách

Đây là nghiên cứu đầu tiên đánh giá tác động của chi tiêu và bất bình đẳng tới nghèo đói cấp xã của Việt Nam. Nghiên cứu này cung cấp bằng chứng thực nghiệm về tác động tích cực của việc gia tăng mức sống cấp xã (được đo bằng chỉ tiêu bình quân đầu người của xã) tới việc giảm cả tỷ lệ nghèo cũng như mức độ nghèo (khoảng cách nghèo) của các xã. Nghiên cứu cũng cho thấy tác động của chi tiêu tới giảm nghèo sẽ lớn hơn ở các xã có mức độ bất bình đẳng thấp hơn. Các phát hiện nghiên cứu này phù hợp với các bằng chứng được tìm thấy ở một số nước Châu Á. Kết quả nghiên cứu cung cấp một số hàm ý chính sách hữu ích. *Trước hết*, nghiên cứu này khẳng định thành quả của tăng trưởng kinh tế là khá đồng đều bởi mức chi tiêu bình quân đầu người cao có quan hệ chặt chẽ với mức độ nghèo thấp hơn ở toàn bộ các xã và ngay ở các xã có mức độ bất bình đẳng cao. *Thứ hai*, tác động của chi tiêu tới giảm nghèo nhỏ hơn ở các xã có mức độ bất bình đẳng cao hàm ý rằng chúng ta có thể gia tăng tiến bộ của giảm nghèo qua việc tạo cơ hội nhiều hơn cho các nhóm dân số nghèo ở nông thôn được tham gia vào các hoạt động kinh tế.

Nghiên cứu này có một số hạn chế nhất định: do không có sẵn dữ liệu từ năm 2015 RAFC nên tác giả chưa có bộ dữ liệu mảng để phân tích tác động của tăng trưởng chi tiêu và gia tăng bất bình đẳng tới giảm nghèo trong giai đoạn năm 2011-2015. Hơn nữa, nghiên cứu này chỉ tập trung ở khu vực nông thôn do vậy kết quả nghiên cứu không thể khái quát cho toàn bộ Việt Nam./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bellù L. G. và Liberati P. (2006), *Inequality Analysis: The Gini Index*. Rome, Italy
2. Cheema A. R. và Sial M. H. (2012), Poverty, income inequality, and growth in Pakistan: A pooled regression analysis. *The Lahore Journal of Economics*, 17(2), 137-157.
3. Cheema A. R. và Sial M. H. (2012), Poverty, Income Inequality, and Growth in Pakistan: A Pooled Regression Analysis *The Lahore Journal of Economics*, 17(2), 137-157.
4. Coudouel A., Hentschel J. S. và Wodon Q. T. (2002), Chapter 1: Poverty measurement and analysis. In J. Klugman (Ed.), *A source book for poverty reduction strategies* (Vol. 1, pp. 29-76). Washington, D.C: The World Bank.
5. Deaton A. (1997), *The analysis of household surveys: A microeconomic approach to development policy*. Baltimore, MD: The Johns Hopkins University Press.
6. Eastwood R. và Lipton M. (2002), Pro-poor growth and pro-growth poverty reduction: meaning, evidence, and policy implications. *Asian development review*, 18(2), 22-58.
7. Elbers C., Lanjouw J. O. và Lanjouw P. (2002), *Micro-level estimation of welfare*. Policy Research Working Paper 2911. The World Bank. Washington, D.C.
8. Elbers C., Lanjouw J. O. và Lanjouw P. (2003), Micro-level estimation of poverty and inequality. *Econometrica*, 71(1), 355-364.
9. Fritzen S. (2002), Growth, inequality and the future of poverty reduction in Vietnam. *Journal of Asian Economics*, 13(5), 635-657.
10. Goodman A. và Oldfield Z. (2004), *Permanent differences? Income and expenditure inequality in the 1990s and 2000s* (1903274389). London, UK:
11. Hafiz P. và Thangavel P. (2004), Pro-Poor Growth and Policies: The Asian Experience. *The UNDP's Asia-Pacific Regional Programme on the Macroeconomics of Poverty Reduction*.
12. Kang W. và Imai K. S. (2012), Pro-poor growth, poverty and inequality in rural Vietnam. *Journal of Asian Economics*, 23(5), 527-539. doi:<http://dx.doi.org/10.1016/j.asieco.2012.04.004>
13. Magrini E. và Montalbano P. (2012), *Trade openness and vulnerability to poverty: Vietnam in the long-run (1992-2008)*. Hanoi, Vietnam.
14. McCaig B. (2011), Exporting out of poverty: Provincial poverty in Vietnam and US market access. *Journal of International Economics*, 85(1), 102-113.
15. Minot N. Baulch B. và Epprecht M. (2006), *Poverty and inequality in Vietnam: Spatial patterns and*

geographic determinants: International Food Policy Research Institute Washington, DC.

16. MPI. (2015), *Country Report: 15 years of achieving the Vietnam millenium development goals*. Hanoi, Vietnam.

17. Pasha H. A. Palanivel T. Chaudhry F. M. và Khan D. A. (2003), Pro-poor Growth and Policies: The Asian Experience [with Comments]. *The Pakistan Development Review*, 313-348.

18. Ram R. (2007), Roles of income and equality in poverty reduction: recent cross-country evidence. *Journal of International Development*, 19(7), 919-926.

19. Ravallion M. (2001), Growth, inequality and poverty: looking beyond averages. *World development*, 29 (11), 1803-1815.

20. Ravallion M. và Chen S. (1997), What can new survey data tell us about recent changes in distribution and poverty? *The World Bank Economic Review*, 11(2), 357-382.

21. Ravallion M. và Chen S. (2003), Measuring pro-poor growth. *Economics letters*, 78(1), 93-99.

22. Ravallion M. và Van de Walle D. (2008), *Land in transition: Reform and poverty in rural Vietnam*: World Bank Publications.

23. Son H. H. (2004), A note on pro-poor growth. *Economics letters*, 82(3), 307-314.

24. Tran T. Q. Nguyen C. V. và Vu H. V. (forthcoming 2017), Does Economic Inequality Affect Quality of Life of Older People in Rural Vietnam?. *Journal of Happiness Studies*.

25. Tran T. Q. Nguyen S. H. và Van H. V. (2015), A note on poverty among ethnic minorities in the North-West region of Vietnam. *Post-Communist Economies*, 27(2), 268-281.

26. Van de Walle D. và Cratty D. (2004), Is the emerging non-farm market economy the route out of poverty in Vietnam? *Economics of Transition*, 12(2), 237-274.

27. Warr P. (2000), Poverty reduction and economic growth: The Asian experience. *Asian development review*, 18(2), 131-147.

28. Warr P. (2005), Pro-poor Growth. *Asian-Pacific Economic Literature*, 19(2), 1-17.

29. WB. (2012), *2012 Vietnam poverty assessment - Well begun, not yet done : Vietnam's remarkable progress on poverty reduction and the emerging challenges*. Washington DC.